

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-8-2022  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.*  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: **Trần Thị Thu Hà.**
2. Ông: **Đình Minh Phương.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Quyên** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đào Văn T** – sinh ngày: 03/4/1985 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 29/6/2022).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Hồng L** – sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn anh Đào Văn T có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2022 nguyên đơn anh Đào Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Hồng L do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30/8/2013.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L đi làm ở Bình Dương, anh không đồng ý nên anh yêu cầu chị L về quê để vợ chồng sống cùng nhau nhưng chị L không đồng ý, từ đó anh và chị L không còn sống chung với nhau cho đến nay.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hồng L.

- Về con chung: Có một người con chung tên Đào Thái K, sinh ngày 11/7/2016. Hiện nay cháu K đang sống chung với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Đào Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh Đào Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Hồng L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị L nhưng chị L không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của chị L không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 18/4/2022; Căn cước công dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn; Bảng khai ý kiến; Giấy khai sinh; Dịch vụ chuyển phát nhanh; Đơn xin vắng mặt.

Bị đơn vắng nên không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Đào Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc ly hôn giữa anh T và bị đơn chị L, chị L có nơi cư trú tại ấp Thanh Tân, xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn anh T có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị L vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị L nhưng chị L

cũng không đến Tòa án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30/8/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo anh T trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không đồng ý để chị L đi làm xa muốn vợ chồng cùng về quê chung sống nhưng chị L không đồng ý rồi vợ chồng không còn chung sống với nhau. Anh T và chị L không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu ly hôn với chị L, chị L vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: Có một người con chung tên Đào Thái K, sinh ngày 11/7/2016. Hiện nay cháu K đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh T và chị L không còn chung sống với nhau cho đến nay thì cháu K sống chung với anh T, chị L vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T. Giao cháu K cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng cho cháu K.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đào Văn T.

Về hôn nhân: Cho anh Đào Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Hồng L.

Về con chung: Anh Đào Văn T và chị Nguyễn Hồng L có một người con chung tên Đào Thái K, sinh ngày 11/7/2016. Giao cháu Đào Thái K cho anh Đào Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Hồng L không phải cấp dưỡng cho cháu Đào Thái K. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Anh Đào Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Hồng L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Đào Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Hồng L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đào Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Đào Văn T đã nộp theo biên lai thu số N<sup>0</sup>0008297, ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Đào Văn T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phạm Thị Lanh**